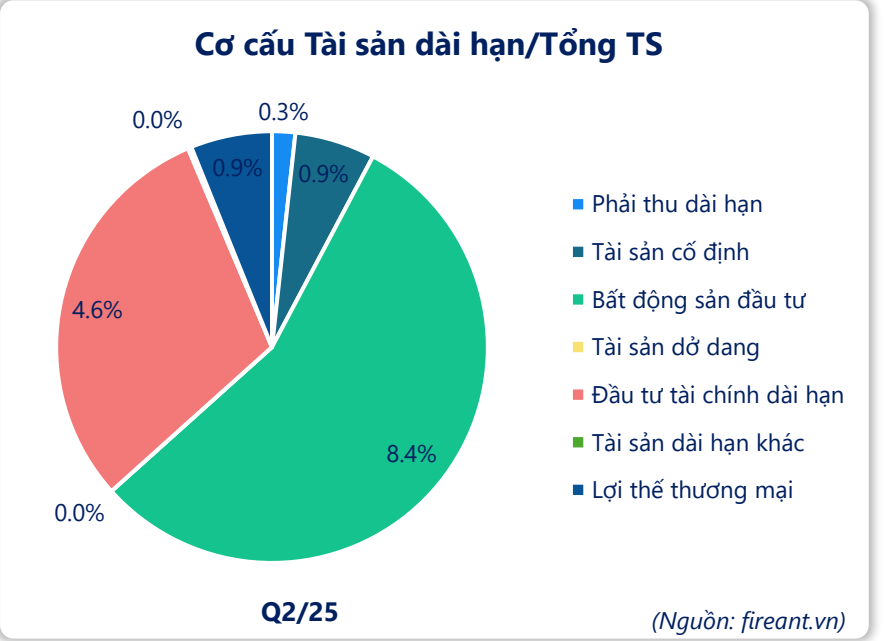
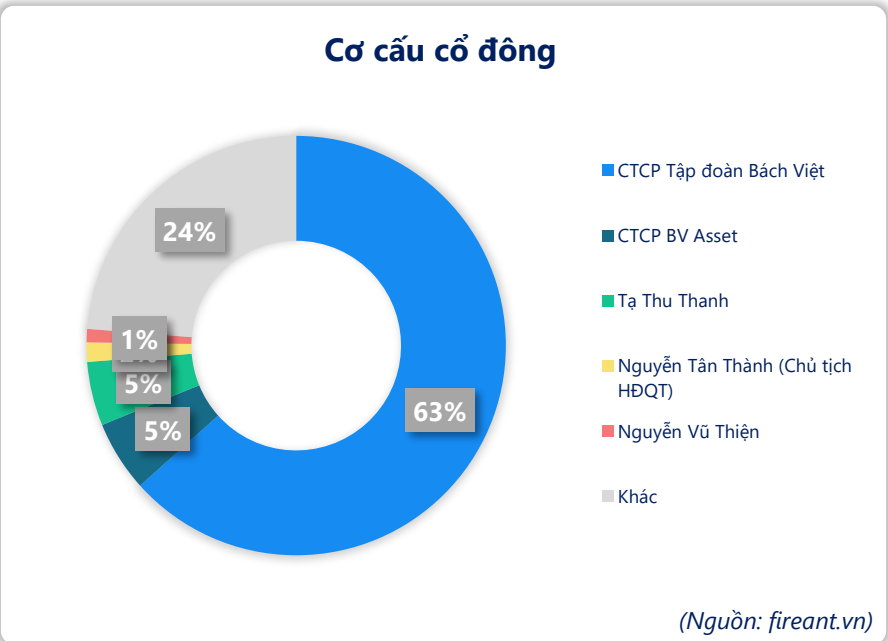
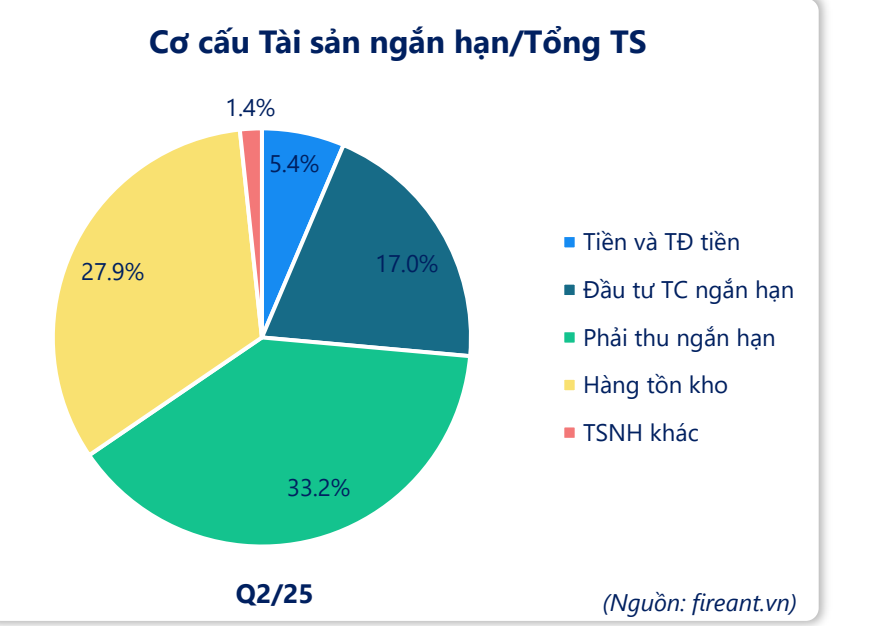
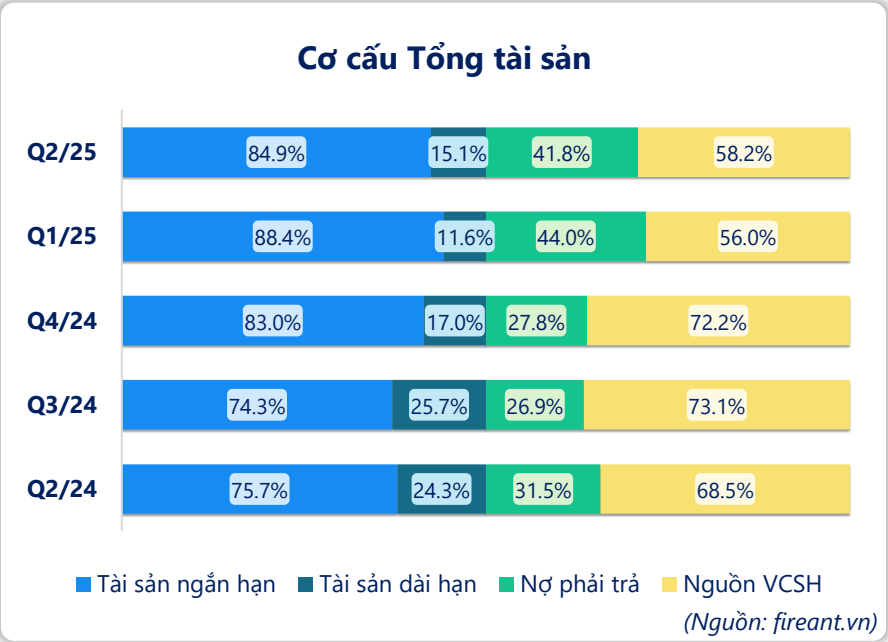
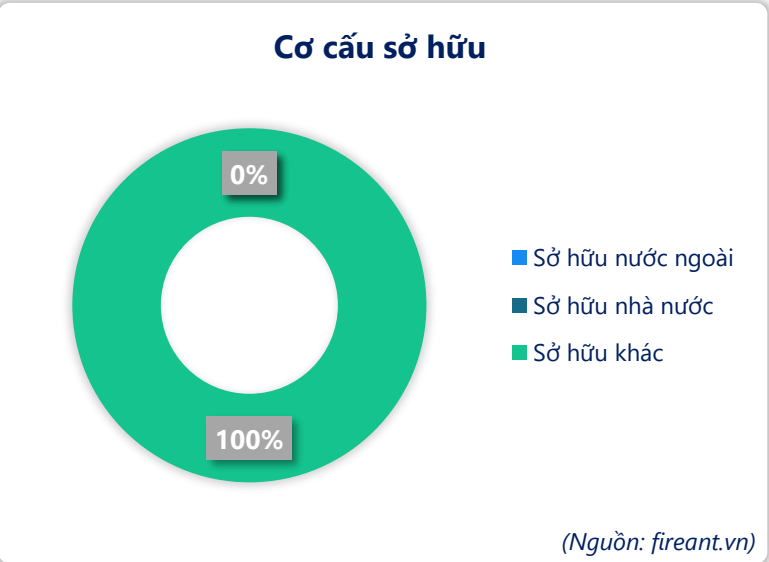
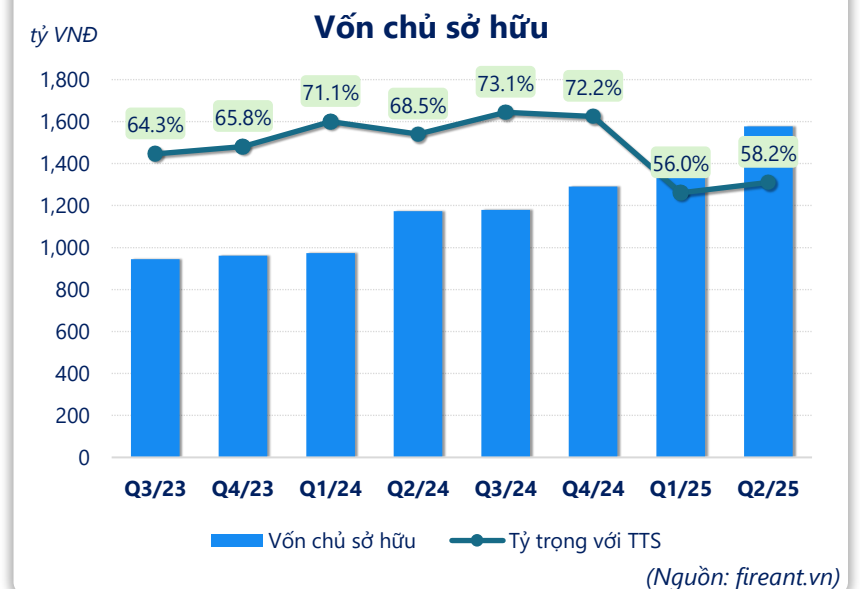
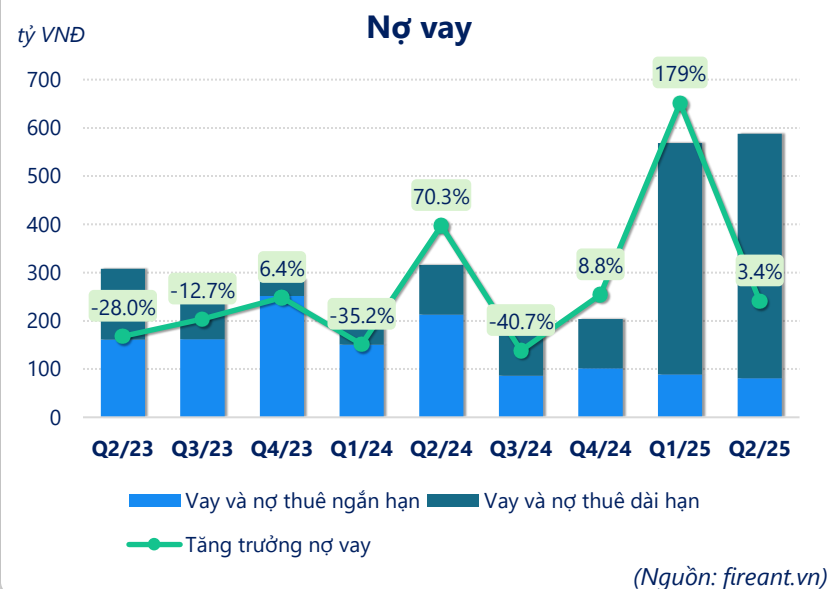
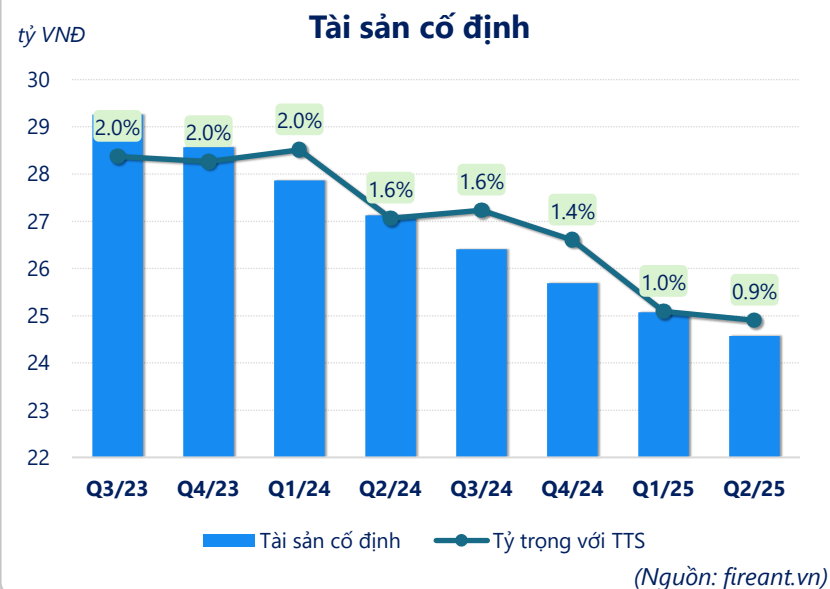
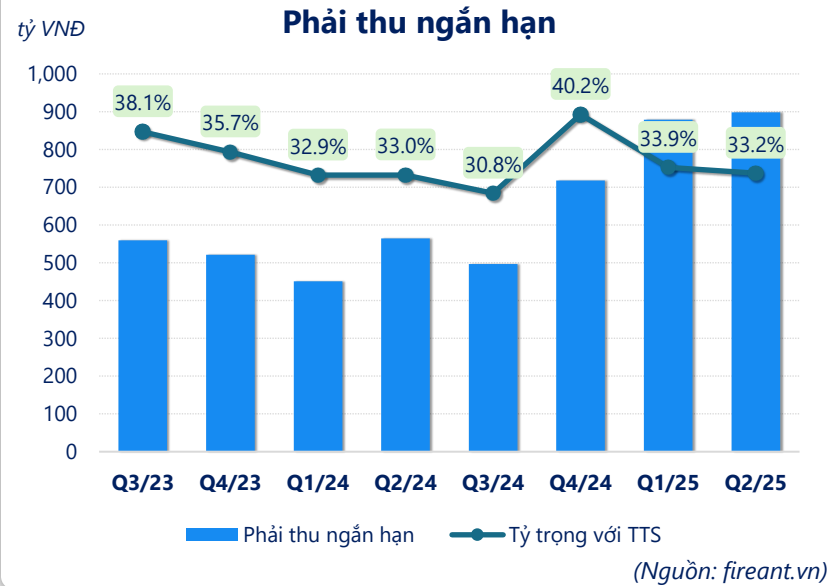
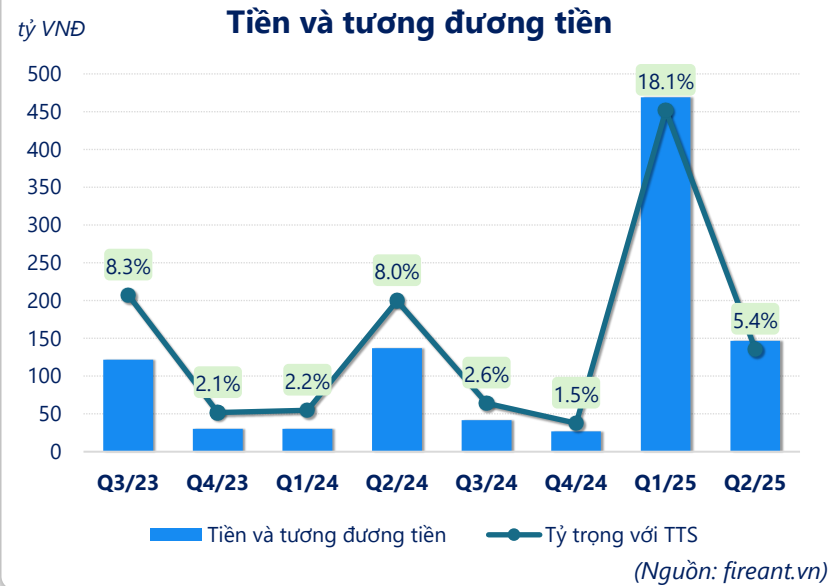
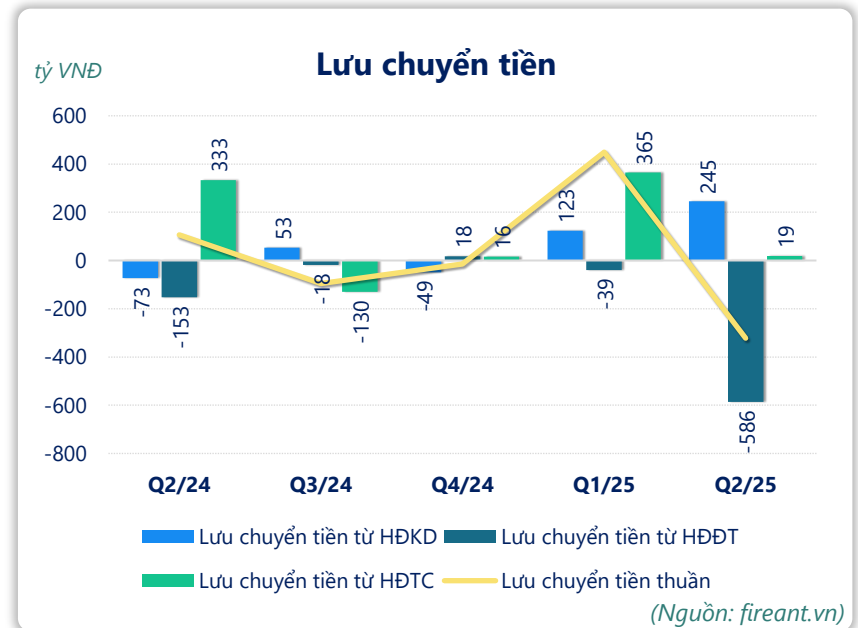
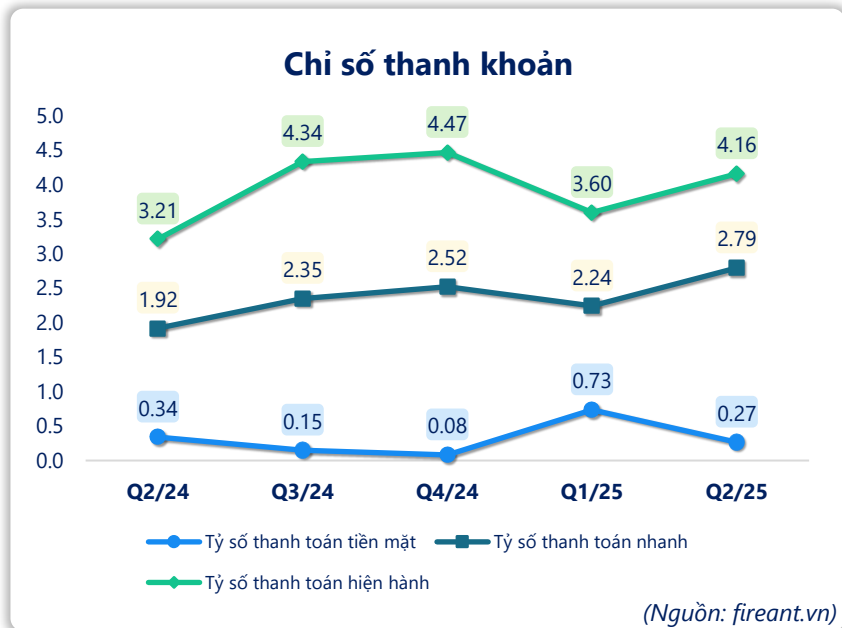
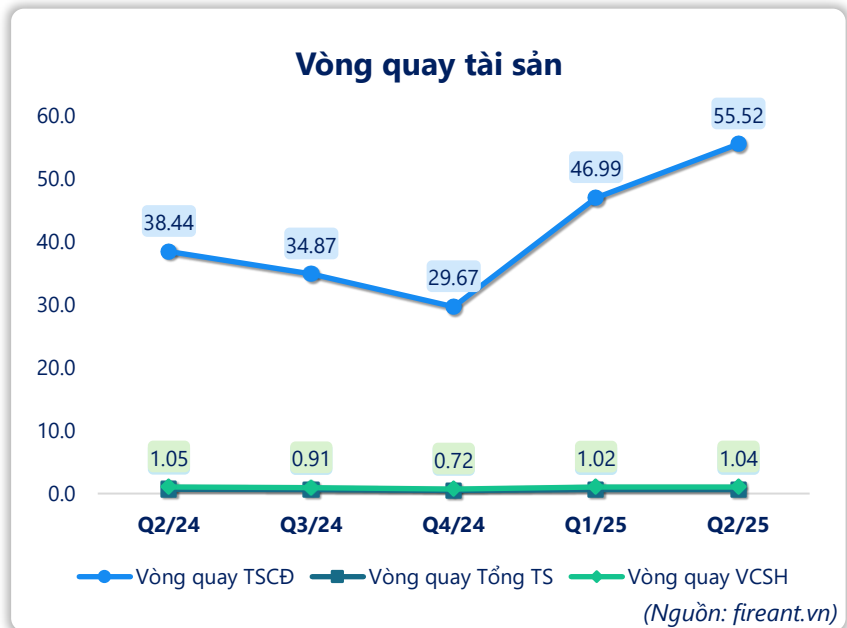
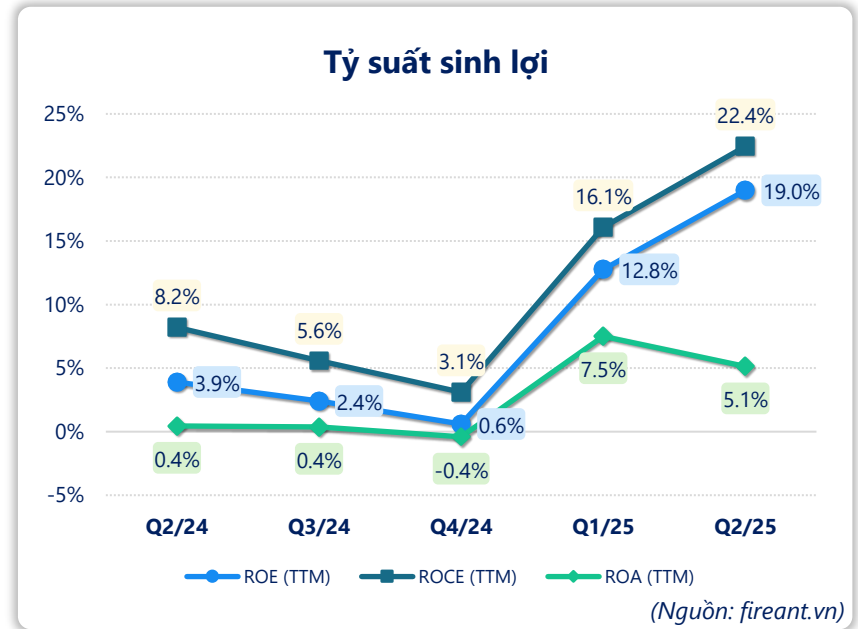
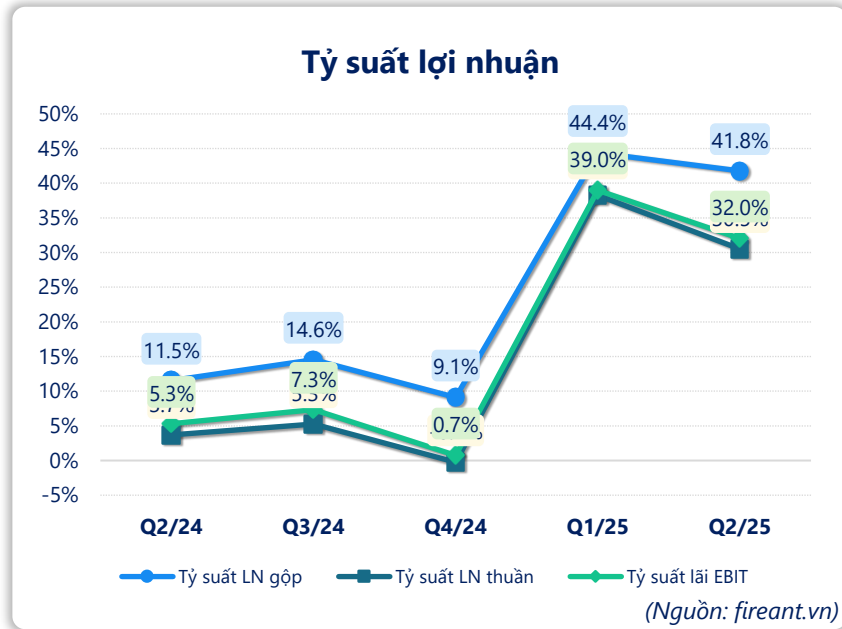
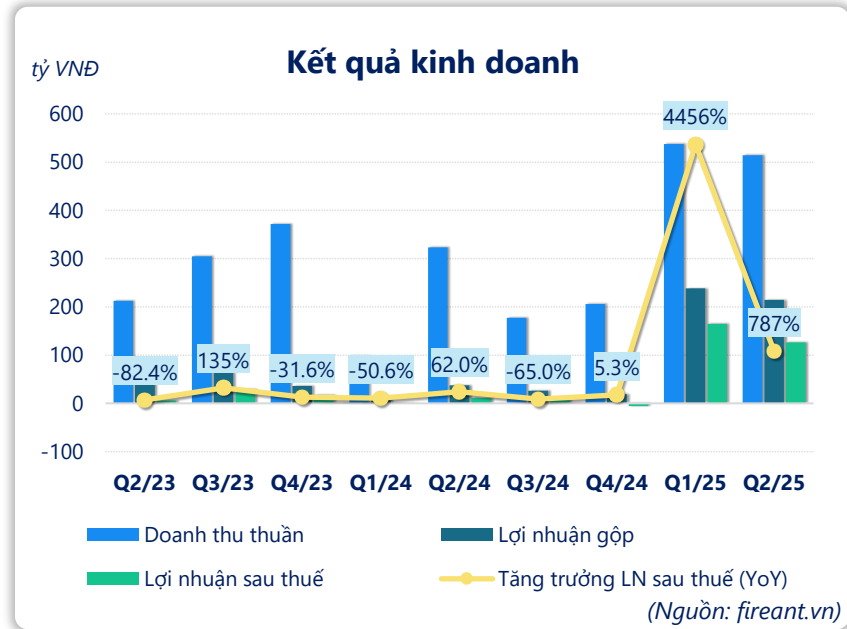


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,412
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,391
SL cổ phiếu LH		82,788,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,410
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,250
P/E		4.8
EPS		3,153

	YTD	1T	3T	6T
BVL	77.7%	12.7%	49.9%	77.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,708	1,788	51.4%
Tài sản ngắn hạn	2,299	1,484	54.9%
Tiền và tương đương tiền	147	19.8	643%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	461	45.7	908%
Phải thu ngắn hạn	898	723	24.2%
Hàng tồn kho	755	650	16.2%
Tài sản ngắn hạn khác	38.8	46.1	-15.8%
Tài sản dài hạn	408	304	34.4%
Phải thu dài hạn	7.10	7.04	0.8%
Tài sản cố định	24.6	25.7	-4.3%
Bất động sản đầu tư	227	230	-1.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	124	11.6	962%
Tài sản dài hạn khác	1.09	1.25	-12.2%
Lợi thế thương mại	24.9	28.3	-12.0%
Nợ phải trả	1,131	499	127%
Nợ ngắn hạn	553	372	48.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	81.3	100	-18.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	44.2	60.5	-27.0%
Nợ dài hạn	578	127	356%
Vay và nợ thuê dài hạn	507	104	389%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,577	1,289	22.3%
Vốn chủ sở hữu	1,577	1,289	22.3%
Vốn điều lệ	828	828	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	323	178	206	537	514
Giá vốn hàng bán	286	152	187	299	300
Lợi nhuận gộp	37.3	25.8	18.7	238	215
Doanh thu HĐTC	3.20	4.33	6.53	10.3	15.7
Chi phí TC	3.75	2.36	3.59	4.89	9.22
Chi phí lãi vay	3.00	2.15	1.86	3.30	6.93
LN trong công ty LKLD	0.12	0.15	0.13	-0.04	0.05
Chi phí bán hàng	13.9	10.5	6.83	30.2	53.6
Chi phí QLDN	11.0	8.19	15.5	8.13	10.8
LN thuần từ HĐKD	12.0	9.33	-0.48	206	157
Lợi nhuận khác	2.17	1.54	0.15	0.58	0.89
LN trước thuế	14.1	10.9	-0.33	206	158
Lợi nhuận sau thuế	11.0	8.35	-5.87	164	126
LNST của CĐ cty mẹ	7.24	5.71	-6.57	149	113

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-73.1	52.8	-48.6	123	245
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-153	-18.2	17.5	-39.1	-586
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	333	-130	16.5	365	19.1
Tiền đầu kỳ	30.1	137	41.5	19.8	469
Lưu chuyển tiền thuần	107	-95.4	-14.6	449	-322
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	137	41.5	26.9	469	147

(Nguồn: fireant.vn)